

Bản án số: 29/2022/HS-ST

Ngày 27/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Bá Tiến và ông Xồng Bá Cha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Văn Cương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo: **Lương Văn B**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/4/1971, tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản M, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 3/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn C (Đã chết); con bà: Quang Thị Q (Đã chết); có vợ: Lương Thị B và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2021. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn B: Bà Nguyễn Thị T, Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý, chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị hại: Ông Vi Văn T, sinh năm 1970; trú tại bản M, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người chứng kiến: Anh Lương Văn N, sinh năm 1982; trú tại bản M, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do có mâu thuẫn với Vi Văn T có quan hệ bất chính với vợ của mình, ngày 24/11/2021 thấy Vi Văn T đi xe máy đến khe N, xã T để đánh bắt cá, nên Lương Văn B lấy gói ma túy đến cất giấu trong xe của Vi Văn T rồi B đi về. Lương Văn B dùng điện thoại gọi cho anh Lương Quang P là Đội trưởng trình sát Đoàn biên phòng T báo Vi Văn T đang cất giấu hơn 70 viên hồng phiến tại phía sau biển số xe và hiện nay Vi Văn T

đang đi từ khe N đến bản M. Sau khi nhận được tin báo Đồn biên phòng T phối hợp với Công an xã T chốt chặn lối đường mòn mà T sẽ đi qua. Đến khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 24/11/2021 phát hiện Vi Văn T đang điều khiển chiếc xe máy biển kiểm soát 37F1-172.09, tổ công tác tiến hành kiểm tra thì phát hiện tại vị trí tiếp giáp của chắn bùn xe với biển kiểm soát có 01 gói ni lông bên trong có 72 viên màu hồng. Tại đồn biên phòng T Vi Văn T khai không biết nguồn gốc gói ma túy và cũng không biết ai cất giấu ma túy vào trong xe. Ngày 02/12/2021 Lương Văn B đến đồn biên phòng T đầu thú.

Bản kết luận giám định số 1532/KL- PC09(Đ2-MT) ngày 02/12/2021 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

Mẫu Viên nén màu hồng thu giữ ở vị trí tiếp giáp giữa chắn bùn bánh sau với biển số xe máy mà Vi Văn T điều khiển gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng thu giữ ở vị trí tiếp giáp giữa chắn bùn bánh sau với biển số xe máy mà Vi Văn T điều khiển gửi tới giám định có tổng khối lượng 7,4 g (Bảy phẩy tư gam).

Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cụ thể: Ngày 24/11/2021 tại xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Lương Văn B đã lén lút bỏ 7,4 gam Methamphetamine vào phần tiếp giáp giữa biển số với chắn bùn phía sau xe của Vi Văn T rồi báo Đồn biên phòng T bắt giữ Vi Văn T. Ngày 02/12/2021 Lương Văn B đến đồn biên phòng T đầu thú.

Cáo trạng số 34/CT-VKS- HS ngày 24/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lương Văn B về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự và tội “Vu khống” theo điểm h khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã kết luận và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm h khoản 2 Điều 156; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt: Bị cáo Lương Văn B từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Vu khống”. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại từ 6 đến 8 tháng lương cơ sở.

Người bào chữa không tranh luận về tội danh; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt Lương Văn B từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 01 năm tù về tội “Vu khống”; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 6 tháng lương cơ sở.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Mặc dù không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, nhưng ngày 24/11/2021, tại xã T, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, bị cáo Lương Văn B cất giấu trái phép 7,4 gam Methamphetamine. Lương Văn B đã lén lút bỏ 7,4 gam Methamphetamine vào phần tiếp giáp giữa biển số với chắn bùn phía sau xe của Vi Văn T rồi báo Đồn biên phòng T bắt giữ Vi Văn T. Bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước; Lương Văn B bịa đặt Vi Văn T phạm tội rất nghiêm trọng và tố cáo T ra trước cơ quan Nhà nước. Do đó bị cáo đã phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Vu khống”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249; điểm h khoản 2 Điều 156 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, nòi giống của con người, xâm phạm trật tự an toàn xã hội; làm mất danh dự, uy tín của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Vì vậy cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và khai báo thành khẩn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành

[4] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn B từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Vu khống” là hợp lý. Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn B 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 01 năm tù về tội “Vu khống” là thấp so với số lượng ma túy thu giữ và hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm

đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” khoản 4 Điều 156 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản gì đáng giá. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 7,4 gam Methamphetamine, cơ quan điều tra lấy đi giám định chất ma túy 0,5 gam; còn lại 6,9 gam; đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về dân sự: Khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự quy định “Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Do đó cần buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho bị hại với mức 7 tháng lương cơ sở là hợp lý. Các thiệt hại theo khoản 1 Điều 592 của Bộ luật dân sự, bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án và buộc bồi thường, nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lương Văn B phạm các tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Vu khống*”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm h khoản 2 Điều 156 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Phạt Lương Văn B 06 (Sáu) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; 02 (Hai) năm tù về tội “*Vu khống*”. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/12/2021.

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 592 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lương Văn B bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại Vi Văn T 10.430.000 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ một phong bì bên trong đựng 6,9 (Sáu phẩy chín) gam Methamphetamine vỏ gói ma túy thu giữ của bị cáo Lương Văn B và phong bì thu giữ vật chứng ban đầu.

Chi tiết vật chứng được ghi cụ thể trong biên bản giao nhận ngày 28/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Phong với Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lương Văn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 521.500 đồng (Năm trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lương Văn B; bị hại Vi Văn T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại.
- VKSND huyện Quế Phong.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Công an huyện Quế Phong.
- Chi cục THA DS huyện Quế Phong.
- Trại tạm giam; trại giam.
- Sở tư pháp; UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu VP, THAHS, Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Công Phong